

# HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

## DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY LẦN 1 ĐỢT 2 NĂM 2020

(kèm theo thông báo số 57/TB-HVPNVN ngày 15 tháng 7 năm 2020)

**Ngành : Công tác xã hội**

| TT | Mã sinh viên | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học       | Tổng điểm có Ưu tiên |
|----|--------------|----------------------|-----------|------------|-----------------|----------------------|
| 1  | 2077610080   | Lò Thị Thúy Quỳnh    | Nữ        | 05/04/2002 | Công tác xã hội | 27.85                |
| 2  | 2077610081   | Nguyễn Thị Vui       | Nữ        | 28/01/2002 | Công tác xã hội | 27.15                |
| 3  | 2077610082   | Nguyễn Huyền Anh     | Nữ        | 10/09/2002 | Công tác xã hội | 21.7                 |
| 4  | 2077610083   | Sùng Thị Minh        | Nữ        | 07/02/2002 | Công tác xã hội | 20.25                |
| 5  | 2077610084   | Đỗ Thị Tuyết         | Nữ        | 25/04/2002 | Công tác xã hội | 28.25                |
| 6  | 2077610085   | Nguyễn Thị Linh      | Nữ        | 21/11/2002 | Công tác xã hội | 24.65                |
| 7  | 2077610086   | Thào Thị Là          | Nữ        | 25/08/2002 | Công tác xã hội | 28.45                |
| 8  | 2077610087   | Vũ Thị Phương Linh   | Nữ        | 18/11/2002 | Công tác xã hội | 26.65                |
| 9  | 2077610088   | Bùi Thị Hạ           | Nữ        | 17/07/2002 | Công tác xã hội | 26.55                |
| 10 | 2077610089   | Lý Thị Thu Giang     | Nữ        | 12/05/2002 | Công tác xã hội | 26.55                |
| 11 | 2077610090   | Trần Phương Thủy     | Nữ        | 28/11/2002 | Công tác xã hội | 26.55                |
| 12 | 2077610091   | Phạm Hồ Như Ngọc     | Nữ        | 26/10/2002 | Công tác xã hội | 26.35                |
| 13 | 2077610092   | Phạm Thị Nhi         | Nữ        | 23/08/2002 | Công tác xã hội | 26.25                |
| 14 | 2077610093   | Thào Thị Bầu         | Nữ        | 01/09/2002 | Công tác xã hội | 26.25                |
| 15 | 2077610094   | H Nhip Niê           | Nữ        | 20/07/2002 | Công tác xã hội | 26.15                |
| 16 | 2077610095   | Hoàng Thị Thuyết     | Nữ        | 01/07/2001 | Công tác xã hội | 25.85                |
| 17 | 2077610096   | Triệu Thị Viện       | Nữ        | 12/04/2002 | Công tác xã hội | 25.85                |
| 18 | 2077610097   | Quảng Thị Thơm       | Nữ        | 28/09/2002 | Công tác xã hội | 25.75                |
| 19 | 2077610098   | Ly Thị Dế            | Nữ        | 07/08/2002 | Công tác xã hội | 25.55                |
| 20 | 2077610099   | Đinh Thảo Phương     | Nữ        | 25/12/2002 | Công tác xã hội | 25.25                |
| 21 | 2077610100   | Lò Xuân Quỳnh        | Nữ        | 18/04/2002 | Công tác xã hội | 25.25                |
| 22 | 2077610101   | Lường Hoài Thương    | Nữ        | 26/03/2002 | Công tác xã hội | 25.25                |
| 23 | 2077610102   | Hồng Thanh Duy Khánh | Nam       | 17/05/2002 | Công tác xã hội | 25.05                |
| 24 | 2077610103   | Lê Thị An            | Nữ        | 25/03/2002 | Công tác xã hội | 25                   |
| 25 | 2077610104   | Hà Thị Thư           | Nữ        | 22/07/2002 | Công tác xã hội | 24.75                |
| 26 | 2077610105   | Lang Thị Hồng Nhung  | Nữ        | 08/07/2002 | Công tác xã hội | 24.75                |
| 27 | 2077610106   | Vương Thị Xuyên      | Nữ        | 04/07/2002 | Công tác xã hội | 24.75                |
| 28 | 2077610107   | Hạng Thị Dung        | Nữ        | 13/04/2002 | Công tác xã hội | 24.55                |
| 29 | 2077610108   | Quảng Thị Kim Thảo   | Nữ        | 24/03/2002 | Công tác xã hội | 24.55                |
| 30 | 2077610109   | Nguyễn Huyền Trang   | Nữ        | 17/08/2002 | Công tác xã hội | 24.5                 |
| 31 | 2077610110   | Vàng Thị Oanh        | Nữ        | 01/11/2002 | Công tác xã hội | 24.45                |
| 32 | 2077610111   | Đinh Thủy Linh       | Nữ        | 17/12/2002 | Công tác xã hội | 24.25                |
| 33 | 2077610112   | Vàng Thị Tuyết       | Nữ        | 06/05/2001 | Công tác xã hội | 24.25                |



| TT | Mã sinh viên | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học       | Tổng điểm có Ưu tiên |
|----|--------------|------------------------|-----------|------------|-----------------|----------------------|
| 34 | 2077610113   | Bùi Thu Thủy           | Nữ        | 22/12/2002 | Công tác xã hội | 24.05                |
| 35 | 2077610114   | Lèng Thị Nụ            | Nữ        | 17/04/2002 | Công tác xã hội | 24                   |
| 36 | 2077610115   | Hoàng Thị Thanh Thủy   | Nữ        | 06/10/2002 | Công tác xã hội | 23.85                |
| 37 | 2077610116   | Phạm Bích Thủy         | Nữ        | 11/04/2002 | Công tác xã hội | 23.85                |
| 38 | 2077610117   | Lù Mai Anh             | Nữ        | 04/10/2002 | Công tác xã hội | 23.75                |
| 39 | 2077610118   | Nguyễn Thị Hương Giang | Nữ        | 04/11/1994 | Công tác xã hội | 23.6                 |
| 40 | 2077610119   | Vũ Thu Phương          | Nữ        | 18/07/2002 | Công tác xã hội | 23.5                 |
| 41 | 2077610120   | Lê Thị Thu Hồng        | Nữ        | 26/03/2001 | Công tác xã hội | 23.45                |
| 42 | 2077610121   | Phan Thúy Hoa          | Nữ        | 18/03/2002 | Công tác xã hội | 23.45                |
| 43 | 2077610122   | Phạm Nguyễn Quỳnh Như  | Nữ        | 18/01/2002 | Công tác xã hội | 23.35                |
| 44 | 2077610123   | Nguyễn Lê Khanh        | Nữ        | 10/04/2002 | Công tác xã hội | 23.2                 |
| 45 | 2077610124   | Nguyễn Thị Quỳnh Chi   | Nữ        | 12/08/2002 | Công tác xã hội | 23.2                 |
| 46 | 2077610125   | Đặng Trung Vũ          | Nam       | 01/01/2002 | Công tác xã hội | 23.2                 |
| 47 | 2077610126   | Lục Thu Tuyền          | Nữ        | 08/05/2002 | Công tác xã hội | 23.15                |
| 48 | 2077610127   | Nguyễn Thị Hương Ly    | Nữ        | 17/09/2002 | Công tác xã hội | 23                   |
| 49 | 2077610128   | Mùa Thị Mai            | Nữ        | 10/02/2001 | Công tác xã hội | 22.85                |
| 50 | 2077610129   | Hà Thị Nhung           | Nữ        | 25/03/2002 | Công tác xã hội | 22.75                |
| 51 | 2077610130   | Ho Ab Thanh            | Nam       | 12/06/2002 | Công tác xã hội | 22.75                |
| 52 | 2077610131   | Vũ Như Ngọc            | Nữ        | 31/10/2002 | Công tác xã hội | 22.7                 |
| 53 | 2077610132   | Đỗ Thị Thanh Mai       | Nữ        | 17/08/2002 | Công tác xã hội | 22.65                |
| 54 | 2077610133   | Nguyễn Tú Linh         | Nữ        | 08/06/2002 | Công tác xã hội | 22.35                |
| 55 | 2077610134   | Phùng Thị Khánh Hoà    | Nữ        | 13/09/2002 | Công tác xã hội | 22.25                |
| 56 | 2077610135   | Nguyễn Trần Khánh Linh | Nữ        | 22/06/2002 | Công tác xã hội | 22.1                 |
| 57 | 2077610136   | Phan Nhi Quỳnh         | Nữ        | 28/11/2002 | Công tác xã hội | 22                   |
| 58 | 2077610137   | Lý Thị Dề              | Nữ        | 01/01/2002 | Công tác xã hội | 21.9                 |
| 59 | 2077610138   | Lê Thị Thanh Hoàn      | Nữ        | 08/01/2002 | Công tác xã hội | 21.85                |
| 60 | 2077610139   | Sầm Thị Na             | Nữ        | 27/12/2002 | Công tác xã hội | 21.75                |
| 61 | 2077610140   | Thào Thị Mại           | Nữ        | 18/03/2002 | Công tác xã hội | 20.75                |
| 62 | 2077610141   | Nguyễn Thị Mai Hằng    | Nữ        | 20/05/2002 | Công tác xã hội | 20.65                |
| 63 | 2077610142   | Phạm Thị Thu Hiền      | Nữ        | 03/06/2002 | Công tác xã hội | 19.5                 |
| 64 | 2077610143   | Phú Bình Yên           | Nữ        | 05/01/1999 | Công tác xã hội | 19.15                |
| 65 | 2077610144   | Phạm Thảo Hiền         | Nữ        | 17/04/2002 | Công tác xã hội | 26.95                |
| 66 | 2077610145   | Trần Hoàng An          | Nữ        | 07/12/2002 | Công tác xã hội | 26.2                 |
| 67 | 2077610146   | Vũ Thu Phương          | Nữ        | 10/12/2002 | Công tác xã hội | 25.2                 |
| 68 | 2077610147   | Bùi Thị Hiền           | Nữ        | 17/10/2002 | Công tác xã hội | 24.85                |
| 69 | 2077610148   | Phạm Khánh Linh        | Nữ        | 17/01/2002 | Công tác xã hội | 24.2                 |



| TT                                | Mã sinh viên | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học          | Tổng điểm có Ưu tiên |
|-----------------------------------|--------------|-----------------------|-----------|------------|--------------------|----------------------|
| 70                                | 2077610149   | Bùi Phương Tú         | Nữ        | 05/06/2002 | Công tác xã hội    | 22                   |
| 71                                | 2077610150   | Nguyễn Hà Dung        | Nữ        | 13/05/2002 | Công tác xã hội    | 21.8                 |
| 72                                | 2077610151   | Nguyễn Thị Thu Hiền   | Nữ        | 15/10/2002 | Công tác xã hội    | 21.25                |
| <b>Ngành : Giới và Phát triển</b> |              |                       |           |            |                    |                      |
| 1                                 | 2073190026   | Nguyễn Thị Nguyệt     | Nữ        | 12/01/2002 | Giới và Phát triển | 27.95                |
| 2                                 | 2073190027   | Lò Thị Thu Huyền      | Nữ        | 16/12/2002 | Giới và Phát triển | 26.95                |
| 3                                 | 2073190028   | Lường Thị Thơ         | Nữ        | 20/01/2002 | Giới và Phát triển | 28.25                |
| 4                                 | 2073190029   | Lý Thuỵ Hoàng Yến     | Nữ        | 22/04/2002 | Giới và Phát triển | 26.7                 |
| 5                                 | 2073190030   | Nguyễn Như Quỳnh      | Nữ        | 09/12/2002 | Giới và Phát triển | 26.35                |
| 6                                 | 2073190031   | Nguyễn Hương Giang    | Nữ        | 12/06/2002 | Giới và Phát triển | 25.95                |
| 7                                 | 2073190032   | Nguyễn Thị Phương     | Nữ        | 29/04/2002 | Giới và Phát triển | 25.6                 |
| 8                                 | 2073190033   | Lương Thị Tuyết Nhi   | Nữ        | 26/06/2002 | Giới và Phát triển | 25.25                |
| 9                                 | 2073190034   | Vũ Phương Thảo        | Nữ        | 16/12/2002 | Giới và Phát triển | 24.45                |
| 10                                | 2073190035   | Lê Thị Hằng           | Nữ        | 13/09/2001 | Giới và Phát triển | 24.25                |
| 11                                | 2073190036   | Ngọc Thị Huệ          | Nữ        | 27/06/2002 | Giới và Phát triển | 24.25                |
| 12                                | 2073190037   | Nguyễn Phương Linh    | Nữ        | 03/02/2002 | Giới và Phát triển | 24                   |
| 13                                | 2073190038   | Nguyễn Thu Huệ        | Nữ        | 23/02/2001 | Giới và Phát triển | 26.15                |
| 14                                | 2073190039   | Nguyễn Thị Huyền Chi  | Nữ        | 15/08/2002 | Giới và Phát triển | 24.75                |
| 15                                | 2073190040   | Lê Thị Huyền Trang    | Nữ        | 19/10/2002 | Giới và Phát triển | 23.95                |
| 16                                | 2073190041   | Đỗ Thị Nụ             | Nữ        | 03/07/2002 | Giới và Phát triển | 23.2                 |
| 17                                | 2073190042   | Cao Ngọc Bích         | Nữ        | 17/03/2002 | Giới và Phát triển | 21.95                |
| <b>Ngành : Kinh tế</b>            |              |                       |           |            |                    |                      |
| 1                                 | 2073100024   | Phạm Hải Yến          | Nữ        | 17/07/2002 | Kinh tế            | 26.5                 |
| 2                                 | 2073100025   | Nguyễn Thị Mai        | Nữ        | 07/05/2002 | Kinh tế            | 26.15                |
| 3                                 | 2073100026   | Hồ Thị Anh Thư        | Nữ        | 31/10/2002 | Kinh tế            | 24.6                 |
| 4                                 | 2073100027   | Nguyễn Vinh Giang     | Nam       | 27/02/2002 | Kinh tế            | 24.05                |
| 5                                 | 2073100028   | Vương Hải Yến         | Nữ        | 09/12/2002 | Kinh tế            | 23.8                 |
| 6                                 | 2073100029   | Bùi Duy Thành         | Nam       | 29/08/2002 | Kinh tế            | 21.65                |
| 7                                 | 2073100030   | Tô Thị Quỳnh Trang    | Nữ        | 10/06/2002 | Kinh tế            | 21                   |
| 8                                 | 2073100031   | Phạm Thị Hoàng Ngân   | Nữ        | 28/05/2002 | Kinh tế            | 28.6                 |
| 9                                 | 2073100032   | Phạm Phương Thảo      | Nữ        | 13/11/2002 | Kinh tế            | 28.1                 |
| 10                                | 2073100033   | Phùng Trang Ngân      | Nữ        | 01/07/2002 | Kinh tế            | 27.6                 |
| 11                                | 2073100034   | Trần Thị Thu Phương   | Nữ        | 29/07/2000 | Kinh tế            | 25.65                |
| 12                                | 2073100035   | Vũ Hà Anh             | Nữ        | 16/08/2002 | Kinh tế            | 25                   |
| 13                                | 2073100036   | Nguyễn Thị Thanh Trúc | Nữ        | 11/11/2002 | Kinh tế            | 24.4                 |



| TT                          | Mã sinh viên | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học    | Tổng điểm có Ưu tiên |
|-----------------------------|--------------|------------------------|-----------|------------|--------------|----------------------|
| 14                          | 2073100037   | Nguyễn Thuỳ Linh       | Nữ        | 05/07/2002 | Kinh tế      | 24.2                 |
| 15                          | 2073100038   | Nguyễn Văn Quang       | Nam       | 10/12/2002 | Kinh tế      | 22.3                 |
| 16                          | 2073100039   | Huỳnh Kim Chi          | Nữ        | 15/03/2002 | Kinh tế      | 22.25                |
| 17                          | 2073100040   | Lưu Việt Sơn           | Nam       | 15/05/2002 | Kinh tế      | 22.1                 |
| 18                          | 2073100041   | Lê Như Ý               | Nữ        | 04/12/2002 | Kinh tế      | 26.75                |
| 19                          | 2073100042   | Nguyễn Phương Anh      | Nữ        | 17/12/2002 | Kinh tế      | 25.7                 |
| 20                          | 2073100043   | Đỗ Nhật Ánh            | Nữ        | 20/06/2002 | Kinh tế      | 25.7                 |
| 21                          | 2073100044   | Nguyễn Thị Phương Linh | Nữ        | 10/04/2002 | Kinh tế      | 25.45                |
| 22                          | 2073100045   | Trần Thu Hương         | Nữ        | 07/11/2002 | Kinh tế      | 25.2                 |
| 23                          | 2073100046   | Đặng Thị Kiều Uyên     | Nữ        | 19/10/2002 | Kinh tế      | 25.1                 |
| 24                          | 2073100047   | Phạm Hải Yến           | Nữ        | 05/02/2002 | Kinh tế      | 25                   |
| 25                          | 2073100048   | Trần Thuỳ Linh         | Nữ        | 18/10/2002 | Kinh tế      | 24.7                 |
| 26                          | 2073100049   | Nguyễn Thùy Trang      | Nữ        | 27/09/2002 | Kinh tế      | 24.3                 |
| 27                          | 2073100050   | Phan Thị Thu Trang     | Nữ        | 29/11/2002 | Kinh tế      | 24.15                |
| 28                          | 2073100051   | Bùi Quỳnh Trang        | Nữ        | 27/06/2002 | Kinh tế      | 23.85                |
| 29                          | 2073100052   | Hoàng Thị Kim Chi      | Nữ        | 30/10/2001 | Kinh tế      | 23.75                |
| 30                          | 2073100053   | Bùi Quỳnh Nga          | Nữ        | 12/07/2002 | Kinh tế      | 23.4                 |
| 31                          | 2073100054   | Nguyễn Thảo Linh       | Nữ        | 22/07/2001 | Kinh tế      | 23.25                |
| 32                          | 2073100055   | Trịnh Thanh Tuyền      | Nữ        | 27/07/2002 | Kinh tế      | 23.15                |
| 33                          | 2073100056   | Nguyễn Thị Khánh Linh  | Nữ        | 22/05/2002 | Kinh tế      | 23                   |
| 34                          | 2073100057   | Nguyễn Khánh Ly        | Nữ        | 07/05/2002 | Kinh tế      | 22.95                |
| 35                          | 2073100058   | Nguyễn Quốc Hưng       | Nam       | 01/02/2002 | Kinh tế      | 22.55                |
| 36                          | 2073100059   | Lê Phương Thảo         | Nữ        | 03/03/2002 | Kinh tế      | 22.45                |
| 37                          | 2073100060   | Vũ Đào Ngọc Ánh        | Nữ        | 09/11/2002 | Kinh tế      | 21.8                 |
| 38                          | 2073100061   | Trần Minh Anh          | Nữ        | 21/02/2002 | Kinh tế      | 21.2                 |
| 39                          | 2073100062   | Hoàng Kiều Oanh        | Nữ        | 22/12/2002 | Kinh tế      | 20.25                |
| 40                          | 2073100063   | Đỗ Ngọc Anh            | Nữ        | 26/08/2002 | Kinh tế      | 19                   |
| 41                          | 2073100064   | Tạ Thị Kim Anh         | Nữ        | 20/06/2002 | Kinh tế      | 18.9                 |
| <b>Ngành : Luật kinh tế</b> |              |                        |           |            |              |                      |
| 1                           | 2073800019   | Nguyễn Ngọc Anh        | Nữ        | 23/02/2001 | Luật kinh tế | 28.95                |
| 2                           | 2073800020   | Trần Thanh Tâm         | Nữ        | 15/06/2002 | Luật kinh tế | 27.65                |
| 3                           | 2073800021   | Phạm Kiều Trang        | Nữ        | 05/04/2002 | Luật kinh tế | 26.2                 |
| 4                           | 2073800022   | Phạm Thu Hiền          | Nữ        | 17/05/2002 | Luật kinh tế | 26.05                |
| 5                           | 2073800023   | Nguyễn Thị Kim Ngọc    | Nữ        | 13/11/2002 | Luật kinh tế | 24.9                 |
| 6                           | 2073800024   | Nguyễn Khánh Huyền     | Nữ        | 30/05/2002 | Luật kinh tế | 24.65                |
| 7                           | 2073800025   | Đào Thị Thúy An        | Nữ        | 13/02/2002 | Luật kinh tế | 24.15                |



| TT | Mã sinh viên | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học    | Tổng điểm có Ưu tiên |
|----|--------------|-----------------------|-----------|------------|--------------|----------------------|
| 8  | 2073800026   | Đặng Mai Chi          | Nữ        | 25/04/2002 | Luật kinh tế | 24.1                 |
| 9  | 2073800027   | Nguyễn Thùy Dương     | Nữ        | 13/07/2002 | Luật kinh tế | 23.95                |
| 10 | 2073800028   | Hoàng Khánh Linh      | Nữ        | 25/12/2002 | Luật kinh tế | 22.3                 |
| 11 | 2073800029   | Chu Thu Hà            | Nữ        | 10/12/2002 | Luật kinh tế | 22                   |
| 12 | 2073800030   | Lê Phương Anh         | Nữ        | 07/02/2002 | Luật kinh tế | 21.1                 |
| 13 | 2073800031   | Hoàng Yến Nhi         | Nữ        | 07/08/2000 | Luật kinh tế | 18.75                |
| 14 | 2073800032   | Vương Thị Long        | Nữ        | 07/11/2002 | Luật kinh tế | 24.75                |
| 15 | 2073800033   | Đinh Ngọc Huyền Vân   | Nữ        | 14/09/2002 | Luật kinh tế | 29.35                |
| 16 | 2073800034   | Đậu Thị Liệu          | Nữ        | 16/10/2002 | Luật kinh tế | 27.5                 |
| 17 | 2073800035   | TrịNh Thị Vân Anh     | Nữ        | 18/11/2002 | Luật kinh tế | 27.45                |
| 18 | 2073800036   | Doãn Thị Thu Hằng     | Nữ        | 31/07/2002 | Luật kinh tế | 27.3                 |
| 19 | 2073800037   | Trần Nguyễn Xuân Uyên | Nữ        | 29/05/2002 | Luật kinh tế | 26.95                |
| 20 | 2073800038   | Đàm Thị Hồng          | Nữ        | 29/10/2002 | Luật kinh tế | 26.45                |
| 21 | 2073800039   | Tường Ngọc Ánh        | Nữ        | 22/10/2002 | Luật kinh tế | 26.15                |
| 22 | 2073800040   | Hà Thị Lệ             | Nữ        | 02/01/2002 | Luật kinh tế | 25.5                 |
| 23 | 2073800041   | Hà Thị Phương Thảo    | Nữ        | 18/11/2002 | Luật kinh tế | 25.5                 |
| 24 | 2073800042   | Nguyễn Thị Thu Trang  | Nữ        | 22/05/2002 | Luật kinh tế | 25.35                |
| 25 | 2073800043   | Sái Phương Thảo       | Nữ        | 11/11/2002 | Luật kinh tế | 25.35                |
| 26 | 2073800044   | Lâu Y Xứ              | Nữ        | 15/03/2001 | Luật kinh tế | 25.25                |
| 27 | 2073800045   | Nguyễn Nam Anh        | Nam       | 22/10/2002 | Luật kinh tế | 25.2                 |
| 28 | 2073800046   | Nguyễn Thị Gia Huệ    | Nữ        | 04/12/2002 | Luật kinh tế | 25.05                |
| 29 | 2073800047   | Lù Thị Mai            | Nữ        | 02/03/2002 | Luật kinh tế | 24.75                |
| 30 | 2073800048   | Cự Y Dung             | Nữ        | 03/02/2002 | Luật kinh tế | 24.65                |
| 31 | 2073800049   | Phạm Thị An Thuyên    | Nữ        | 01/02/2002 | Luật kinh tế | 24.55                |
| 32 | 2073800050   | Nguyễn Thảo Anh       | Nữ        | 04/04/2002 | Luật kinh tế | 24.45                |
| 33 | 2073800051   | Trương Quang Hữu      | Nam       | 29/07/2002 | Luật kinh tế | 23.35                |
| 34 | 2073800052   | Vũ Thu Huyền          | Nữ        | 14/10/2002 | Luật kinh tế | 23.3                 |
| 35 | 2073800053   | Lê Bùi Duy Hoàng      | Nam       | 01/05/2002 | Luật kinh tế | 22.9                 |
| 36 | 2073800054   | Nguyễn Sĩ Hồng Đức    | Nam       | 14/07/2001 | Luật kinh tế | 22.75                |
| 37 | 2073800055   | Thái Thị Kim Luyện    | Nữ        | 19/03/2002 | Luật kinh tế | 22.25                |
| 38 | 2073800056   | Đào Ngọc Vân Chi      | Nữ        | 16/03/2002 | Luật kinh tế | 21.95                |
| 39 | 2073800057   | Văn Thị Hải           | Nữ        | 16/06/2002 | Luật kinh tế | 21.6                 |
| 40 | 2073800058   | Ngô Việt Hoàng        | Nam       | 18/01/2002 | Luật kinh tế | 21.45                |
| 41 | 2073800059   | Chu Đình Khánh        | Nam       | 10/09/2002 | Luật kinh tế | 20.5                 |
| 42 | 2073800060   | Trần Khánh Linh       | Nữ        | 02/03/2002 | Luật kinh tế | 25.55                |
| 43 | 2073800061   | Lữ Thị Hải Yến        | Nữ        | 21/02/2002 | Luật kinh tế | 24.8                 |



| TT                        | Mã sinh viên | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học    | Tổng điểm có Ưu tiên |
|---------------------------|--------------|-------------------------|-----------|------------|--------------|----------------------|
| 44                        | 2073800062   | Hà Phương Thảo          | Nữ        | 02/04/2002 | Luật kinh tế | 24.75                |
| 45                        | 2073800063   | Nguyễn Thị Minh Phương  | Nữ        | 29/08/2002 | Luật kinh tế | 24.6                 |
| 46                        | 2073800064   | Hà Phương Thảo          | Nữ        | 22/12/2002 | Luật kinh tế | 23.6                 |
| 47                        | 2073800065   | Vũ Phương Linh          | Nữ        | 13/10/2002 | Luật kinh tế | 22.65                |
| 48                        | 2073800066   | Nguyễn Thị Ngọc         | Nữ        | 28/07/2002 | Luật kinh tế | 21.5                 |
| 49                        | 2073800067   | Lê Thị Hà               | Nữ        | 19/01/2001 | Luật kinh tế | 21.3                 |
| 50                        | 2073800068   | Nguyễn Thuý Hồng        | Nữ        | 28/03/2002 | Luật kinh tế | 20.6                 |
| 51                        | 2073800069   | Nguyễn Thị Minh Châu    | Nữ        | 25/10/2002 | Luật kinh tế | Tuyển thẳng          |
| 52                        | 2073800070   | Nguyễn Khánh Ly         | Nữ        | 21/06/2002 | Luật kinh tế | 20                   |
| <b>Ngành : Tâm lý học</b> |              |                         |           |            |              |                      |
| 1                         | 2073140057   | Trần Thị Thùy Ly        | Nữ        | 09/07/2002 | Tâm lý học   | 26.6                 |
| 2                         | 2073140058   | Quách Thị Hải Yến       | Nữ        | 06/04/2002 | Tâm lý học   | 26.35                |
| 3                         | 2073140059   | Lê Thị Mỹ Hoa           | Nữ        | 06/06/2002 | Tâm lý học   | 25.9                 |
| 4                         | 2073140060   | Bùi Ngọc Dung           | Nữ        | 18/07/2002 | Tâm lý học   | 25.7                 |
| 5                         | 2073140061   | Nguyễn Thanh Chúc       | Nữ        | 01/08/2002 | Tâm lý học   | 25.2                 |
| 6                         | 2073140062   | Nguyễn Hoàng Ngọc Anh   | Nữ        | 31/01/2002 | Tâm lý học   | 25                   |
| 7                         | 2073140063   | Dương Khánh Chi         | Nữ        | 27/12/2002 | Tâm lý học   | 24.5                 |
| 8                         | 2073140064   | Nguyễn Mỹ Tâm           | Nữ        | 23/09/2002 | Tâm lý học   | 24                   |
| 9                         | 2073140065   | Hoàng Thùy Linh         | Nữ        | 12/09/2002 | Tâm lý học   | 23.95                |
| 10                        | 2073140066   | Nguyễn Ngọc Anh         | Nữ        | 02/07/2002 | Tâm lý học   | 23.6                 |
| 11                        | 2073140067   | Nguyễn Thị Phương Thùy  | Nữ        | 18/11/2002 | Tâm lý học   | 23.5                 |
| 12                        | 2073140068   | Hoàng Thị Linh Nhi      | Nữ        | 22/11/2002 | Tâm lý học   | 22.75                |
| 13                        | 2073140069   | Trần Trung Hiếu         | Nam       | 09/01/2002 | Tâm lý học   | 22.65                |
| 14                        | 2073140070   | Nguyễn Lê Thu Trà       | Nữ        | 08/03/2002 | Tâm lý học   | 22.2                 |
| 15                        | 2073140071   | Bùi Quang Bằng          | Nam       | 02/07/2002 | Tâm lý học   | 22                   |
| 16                        | 2073140072   | Nguyễn Thị Thanh Mai    | Nữ        | 18/01/2002 | Tâm lý học   | 21.9                 |
| 17                        | 2073140073   | Trần Bảo Ngọc           | Nữ        | 02/04/2000 | Tâm lý học   | 21.5                 |
| 18                        | 2073140074   | Vũ Thảo Nguyên          | Nữ        | 07/09/2002 | Tâm lý học   | 21.3                 |
| 19                        | 2073140075   | Dương Quốc Tâm          | Nam       | 03/01/2002 | Tâm lý học   | 21.25                |
| 20                        | 2073140076   | Bùi Mạnh Đức            | Nam       | 26/07/1999 | Tâm lý học   | 20.75                |
| 21                        | 2073140077   | Đỗ Huy Tùng             | Nam       | 28/11/1992 | Tâm lý học   | 20.5                 |
| 22                        | 2073140078   | Phạm Thị Khánh Ly       | Nữ        | 15/12/2002 | Tâm lý học   | 24.75                |
| 23                        | 2073140079   | Nguyễn Thị Thanh Bình   | Nữ        | 14/09/1999 | Tâm lý học   | 24.25                |
| 24                        | 2073140080   | Lê Vũ Trà My            | Nữ        | 04/01/2002 | Tâm lý học   | 23.45                |
| 25                        | 2073140081   | Nguyễn Lê Minh Trang    | Nữ        | 08/07/2001 | Tâm lý học   | 23.4                 |
| 26                        | 2073140082   | Nguyễn Phan Khánh Huyền | Nữ        | 14/11/2002 | Tâm lý học   | 22.55                |

| TT | Mã sinh viên | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Ngành học  | Tổng điểm có Ưu tiên |
|----|--------------|-------------------------|-----------|------------|------------|----------------------|
| 27 | 2073140083   | Đặng Thị Mẫn            | Nữ        | 28/10/2002 | Tâm lý học | 21.25                |
| 28 | 2073140084   | Vũ Thị Loan             | Nữ        | 12/08/2002 | Tâm lý học | 20.8                 |
| 29 | 2073140085   | Nguyễn Ngọc Phương Uyên | Nữ        | 15/01/2002 | Tâm lý học | 20.6                 |
| 30 | 2073140086   | Hoàng Ngọc Quỳnh        | Nữ        | 20/10/2002 | Tâm lý học | 19                   |

